

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 13-01-2025

V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông
2. Ông Huỳnh Đức Tâm

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G – B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2024/TLST – DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hui*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 442/2024/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 12 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 399/2024/QĐST - DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 và quyết định phân công lại Hội thẩm nhân dân số: 03/2025/QĐ - TA ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967; địa chỉ: số 376, ấp H, xã T, huyện G, tỉnh B (có mặt);

2. *Bị đơn:* bà Trần Thị N sinh năm 1985; địa chỉ: ấp 2B, xã T, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Thanh N1 (Nguyễn Văn Đ) sinh năm 1984; địa chỉ: ấp 2B, xã T, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Vào năm 2022, 2023, 2024, bà có tham gia góp hui do bà Trần Thị N làm chủ hui. Hợp đồng hui giữa hai bên chỉ được giao kết bằng lời nói, nhưng từng dây hui bà

N có giao cho mỗi hội viên 01 (một) bản photo danh sách hội viên để làm tin. Cụ thể như sau:

- Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 12/8/2022, bà tham gia 03 phần, đã góp được 25 tháng/phần.

- Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 08/3/2023, bà tham gia 06 phần, đã góp được 17 tháng/phần.

- Dây hội tháng 2.000.000 đồng mở ngày 29/02/2024, bà tham gia 05 phần, đã góp được 05 tháng/phần.

Do thời gian đã lâu nên bà không nhớ số tiền thực tế góp trong từng tháng. Đến tháng 7/2024, bà N tuyên bố vỡ hội nên bà ngừng góp hội. Ngày 03/8/2024, hai bên thỏa thuận lập 02 giấy tay thống nhất chốt số tiền hội bà N còn nợ cho dây hội mở ngày 12/8/2022 là 70.500.000 đồng, cho dây hội mở ngày 08/3/2023 là 61.200.000 đồng và cho dây hội mở ngày 29/02/2024 là 28.810.000 đồng. Tổng cộng là 160.510.000 đồng.

Chồng của bà N tên theo giấy tờ là Nguyễn Thanh N1 sinh năm 1984, tên thường gọi là Đ. Theo đơn khởi kiện, bà ghi là Nguyễn Văn Đ sinh năm 1984 là không chính xác.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ nên bà yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hội là 160.510.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bà rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Thanh N1 về việc yêu cầu ông N1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả cho bà số tiền nợ hội là 160.510.000 đồng.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị N và người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh N1 không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C thay đổi trình bày:

- Năm 2022, bà tham gia 02 dây hội tháng 1.000.000 đồng mở cùng ngày 12/8/2022. Trong đó dây 1 bà tham gia 01 phần, dây 2 bà tham gia 02 phần. Sau khi tham gia, bà góp được 25 tháng/phần, tổng số tiền thực tế đã góp cho 03 phần hội là 56.250.000 đồng.

- Năm 2023, bà tham gia 03 dây hội tháng 1.000.000 đồng mở cùng ngày 08/3/2023. Trong đó: mỗi dây bà tham gia 02 phần. Sau khi tham gia, bà góp được 17 tháng/phần, tổng số tiền thực tế đã góp cho 06 phần hội là 61.200.000 đồng.

- Năm 2024, bà tham gia 04 dây hội tháng 1.000.000 đồng mở cùng ngày 29/02/2024. Trong đó: dây 1, dây 2, dây 3 bà tham gia 01 phần, dây 4 bà tham gia 02 phần. Sau khi tham gia, bà góp được 05 tháng/phần, tổng số tiền thực tế đã góp cho 05 phần hội là 28.810.000 đồng.

Tổng cộng là 146.260.000 đồng.

Do đó, bà yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hui thực tế đã góp là 146.260.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Đồng thời, bà rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.250.000 đồng, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Thanh N1 về việc yêu cầu ông N1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả cho bà số tiền nợ hui là 146.260.000 đồng.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Sau khi nhận đơn khởi kiện; các tài liệu chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý; Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại các điều 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thư ký phiên tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nguyên đơn bà C thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn bà N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N1 không có ý kiến về việc giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ hui 146.260.000 đồng;

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Trần Thị N trả cho bà số tiền nợ hui 14.250.000 đồng

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Trần Thị N trả cho bà C số tiền nợ hui 146.260.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh N1 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Tại phiên toà, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị đơn bà Trần Thị N trả số tiền nợ hui 146.260.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, bà có tham gia 03 phần hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 12/8/2022, 06 phần hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 08/3/2023 và 05 phần hui tháng 2.000.000 đồng mở ngày 29/02/2024. Sau khi tham gia, bà góp được 25 lần/phần đối với 03 phần hui mở ngày 12/8/2022, 17 lần/phần đối với 06 phần hui mở ngày 08/3/2023 và 05 lần/phần đối với 05 phần hui mở ngày 29/02/2024. Ngày 03/8/2024, bà N thoả thuận viết 02 giấy chốt nợ, đồng ý hoàn vốn cho các dây hui mở ngày 12/8/2022 là 70.500.000 đồng, cho các dây hui mở ngày 08/3/2023 là 61.200.000 đồng và cho các dây hui mở ngày 29/02/2024 là 28.810.000 đồng, tổng cộng là 160.510.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các bản photo danh sách hui viên và 02 bản chính giấy chốt nợ.

[2] Xét thấy, 14 phần hui hiện nguyên đơn tranh chấp với bị đơn bà N thuộc 09 dây hui tháng mở vào các ngày 12/8/2022, 08/3/2023 và 29/02/2024. Và các dây hui trên khi giao kết không được lập bằng văn bản. Các danh sách hui viên do bà C cung cấp là các bản photo nên chỉ mang tính chất tham khảo. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh tại địa phương vào ngày 18/12/2024 thì bà N hiện bị nhiều người tranh chấp về nợ hui. Bên cạnh đó, căn cứ vào lời trình bày của bà Võ Thị Hết tại biên bản làm việc ngày 27/12/2024 thể hiện: “... Tôi có tham gia 02 dây hui cùng với bà C do bà Trần Thị N ... làm chủ hui đó là các dây hui mở ngày 12/8/2022 là hui 1.000.000 đồng, tổng cộng có 28 phần và dây hui mở ngày 8/3/2023 là hui 1.000.000 đồng, tổng cộng có 28 phần... Đối với biên nhận mà tôi được xem tôi nhận ra đây là chữ viết của bà N, khi chơi hui bà N giao hui cho ai hoặc khi chốt số tiền hui bà N còn nợ thì bà N cũng có lập biên nhận và ký tên như vậy, danh sách hui viên bà N có photo ra và giao cho các hui viên mỗi người một bản trong đó bà C và tôi cũng có...”. Như vậy, trình bày của bà C về việc có tham gia chơi các dây hui do bà N làm chủ hui, sau đó bà N thoả thuận viết 02 giấy chốt nợ hui là có căn cứ.

[3] Căn cứ vào 02 giấy chốt nợ trên thì bà N đồng ý còn nợ và hoàn trả số tiền 70.500.000 đồng cho các dây hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 12/8/2022, số tiền 61.200.000 đồng cho các dây hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 08/3/2023 và số tiền 28.810.000 đồng cho các dây hui tháng 2.000.000 đồng mở ngày 29/02/2024. Tuy nhiên, tại phiên toà, bà C xác định tiền vốn cho các dây hui tháng 1.000.000 đồng mở ngày 12/8/2022 là 56.250.000 đồng.

[4] Quá trình tố tụng và tại phiên toà, bà N vắng mặt, không tham gia các phiên hòa giải, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà C cũng như không cung cấp chứng cứ chứng minh việc không có nợ hoặc đã hoàn trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, xét yêu cầu của bà C về việc yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả số tiền nợ hui 146.260.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận bà C không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

[5] Tại phiên toà, bà C rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.250.000 đồng, rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Thanh N1 (theo đơn khởi kiện ghi là Nguyễn Văn Đ) về việc yêu cầu ông N1 (Đ) có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả cho bà số tiền nợ hui 146.260.000 đồng. Xét việc rút các yêu cầu khởi kiện trên của bà C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

[6] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí DS-ST có giá ngạch (146.260.000 đồng x 5%): do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C được chấp nhận nên bị đơn bà N phải nộp số tiền là 7.313.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ hui 146.260.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng). Ghi nhận bà C không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ hui 14.250.000đ (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh N1 (Đ) có nghĩa vụ liên đới cùng bà N trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ hui 146.260.000 đ (một trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%:

Buộc bà Trần Thị N phải nộp số tiền là 7.313.000đ (bảy triệu ba trăm mười ba nghìn đồng).

Chi Cục thi hành án dân sự huyện G trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.012.000đ (bốn triệu không trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004255 ngày 17 tháng 10 năm 2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng Đ hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên.

